TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Bình;
2. Ông Nguyễn Đức Hùng;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà*: Ông Đặng Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 319/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mỹ D – Sinh năm: 1996 (có mặt)
Địa chỉ: số 290 ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai
2. Bị đơn: anh Thân Trọng T – SN: 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 90 tổ 3, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: sau khoảng nửa năm tìm hiểu thì chị D và anh T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2014. Đây là hôn nhân lần đầu của hai người.

Chị D xác định không còn tình cảm với anh T và yêu cầu ly hôn do hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh T có hành vi bạo lực gia đình, sống không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai người ly thân đã 3 năm nay.

Vợ chồng có một con chung là cháu: Thân Hạnh N – sinh ngày: 20/6/2014. Từ nhỏ đến nay, cháu N được mẹ và gia đình bên ngoại chăm sóc, anh T và gia đình nội không quan tâm hay chu cấp gì cho cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu gì.

Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh Thân Trọng T.

- Về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn không lên Tòa án làm việc theo giấy triệu tập nên không có lời khai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: việc thụ lý, thu thập chứng cứ vụ án của Tòa án đúng quy định; việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của HĐXX, thư ký và đương sự là đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bị đơn không tham gia các buổi làm việc của Tòa án cũng như phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị D ly hôn với anh T; giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T; tài sản chung, nợ chung không ai có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ D có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con đối với anh Thân Trọng T. Anh T hiện cư trú tại số 90 tổ 3, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì đây là vụ án có quan hệ pháp luật về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn Thân Trọng T đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được UBND xã X, huyện Ccấp giấy chứng nhận kết hôn số: 15/2014, ngày 30/10/2014. Hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, chị D cho rằng anh T có hành vi bạo lực gia đình, không có trách nhiệm với vợ con và giữa hai người thường xuyên cãi nhau.

Tuy không thu thập được lời khai của anh T về mâu thuẫn vợ chồng nhưng căn cứ vào xác nhận của trưởng ấp T, xã X ngày 10/9/2017 đã được UBND xã X xác nhận chữ ký ông trưởng ấp xác định: giữa anh Thân Trọng T và chị Nguyễn Thị Mỹ D thường xuyên có mâu thuẫn và đánh nhau, hôn nhân không hạnh phúc, làm ảnh hưởng đến mọi người nơi cư trú. Hiện tại hai người đã ly thân được 02 năm. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh T là có thật, có hành vi bạo lực gia đình và vi

phạm nghĩa vụ chung sống giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa hai người đã tới mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Xét yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: tại nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nói trên, ghi nhận vợ chồng chị D và anh T có một con chung là Thân Hạnh N – sn: 20/6/2014, từ nhỏ đến nay cháu sống với mẹ là phù hợp với lời trình bày của chị D. Thấy rằng cháu N dù đã hơn 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, lại là con gái nên cần giao cháu cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị D là phù hợp.

Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: chị D nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5] Về quan điểm của VKS: quan điểm của VKS là phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS;

- Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật HN&GĐ;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ D.

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Mỹ D ly hôn với anh Thân Trọng T

- Về con chung:

+ Giao cháu Thân Hạnh N – sinh ngày: 20/6/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Thân Trọng T.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai thu tiền số 004296 ngày 09/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Tường Vy